

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: QUẢN LÝ GIÁO DỤC
MÃ NGÀNH: 8140114

(Ban hành kèm theo Quyết định số 396/QĐ-NTT ngày 04 tháng 2 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

- Tên tiếng Anh: *Educational Management*
- Tên tiếng Việt: *Quản lý giáo dục*

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Định hướng đào tạo: ☒ Định hướng Ứng dụng

Khóa học áp dụng: 2026

Thời gian đào tạo: 2 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Quản lý giáo dục (Master of Educational Management)

Đơn vị đào tạo: Khoa Tâm lý – Giáo dục

- Địa chỉ văn phòng:
-298A Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh
-331 Đỗ Mười, Phường An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 1900 2039 (ext: 555)

2. Các tiêu chí tuyển sinh và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTDT) trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (NTTU) được tuyển sinh theo phương thức xét tuyển.

Việc tuyển sinh được thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Văn bằng và ngành tốt nghiệp

- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc trình độ tương đương trở lên.
- Ngành tốt nghiệp phù hợp với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển theo quy định của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trình độ ngoại ngữ

• Có trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc:

• Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương còn thời hạn, được công nhận theo quy định hiện hành.

Kinh nghiệm công tác và quản lý

• Có kinh nghiệm tham gia công tác quản lý trong lĩnh vực giáo dục: Có Giấy xác nhận của cơ sở giáo dục nơi đang công tác hoặc đã từng công tác, trong đó xác nhận rõ: Vị trí công tác; Thời gian công tác; Nội dung và phạm vi công việc quản lý.

Hình thức và hồ sơ xét tuyển

Người dự tuyển tham gia xét tuyển theo các nội dung sau:

- Xét hồ sơ và điểm đánh giá theo quy định của chương trình đào tạo;
- Nộp bài luận cá nhân theo mẫu do NTTU ban hành.

Trong đó:

• Bài luận cá nhân được chấm theo thang điểm 6, là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá:

- Năng lực học tập;
- Kinh nghiệm thực tiễn;
- Động cơ học tập và định hướng nghề nghiệp của người học.

Quy định chung

• Người dự tuyển phải nộp đầy đủ hồ sơ đúng thời hạn, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã kê khai.

• Trường Đại học Nguyễn Tất Thành thực hiện tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo sau đại học của Trường.

3. Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (viết tắt là: PLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra CTĐT thạc sĩ quản lý giáo dục định hướng ứng dụng

STT	Mã PLOs	Nội dung của PLOs	Nội dung của PPCs và PLOs
1	PLO1 (K1)	Vận dụng hệ thống kiến thức chuyên sâu về lý luận quản trị hiện đại, pháp luật giáo dục và chính sách công trong điều hành cơ sở giáo dục.	1.1 Áp dụng đúng các quy định pháp luật và quy trình vận động chính sách trong quản lý. 1.2 Vận dụng các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến vào thực tiễn đơn vị.
2	PLO2 (K2)	Phân tích và thiết kế các hệ thống quản trị nguồn lực tổng thể bao gồm nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất và	2.1 Thiết kế quy trình quản trị nguồn lực (nhân sự, tài chính, dự án) tối ưu cho nhà trường. 2.2 Xây dựng kế hoạch huy động

STT	Mã PLOs	Nội dung của PLOs	Nội dung của PPCs và PLOs
		các bên liên quan.	nguồn lực và gắn kết các bên liên quan.
3	PLO3 (K3)	Đánh giá và lựa chọn ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số, AI và dữ liệu số trong quản trị giáo dục, phục vụ vận hành và đảm bảo chất lượng.	3.1 Sử dụng thành thạo các công cụ AI và dữ liệu số để tối ưu hóa vận hành và quản lý hồ sơ. 3.2 Áp dụng các bộ tiêu chuẩn kiểm định và KPI để đánh giá, cải tiến chất lượng giáo dục.
4	PLO4 (S1)	Hoạch định chiến lược phát triển và ra quyết định quản lý dựa trên bằng chứng dữ liệu thực tế tại cơ sở giáo dục.	4.1 Xây dựng bản kế hoạch chiến lược và kế hoạch vận hành chi tiết cho nhà trường. 4.2 Phân tích dữ liệu thực chứng để đưa ra các quyết định điều hành chính xác.
5	PLO5 (S2)	Thiết kế và triển khai các giải pháp quản trị rủi ro, an toàn học đường và truyền thông marketing giáo dục chuyên nghiệp.	5.1 Xây dựng phương án quản trị rủi ro, an toàn trẻ em và xử lý khủng hoảng truyền thông. 5.2 Thiết kế chiến lược truyền thông nhằm gắn kết người học và các bên liên quan trong cơ sở giáo dục.
6	PLO6 (S3)	Thực hiện các kỹ năng lãnh đạo sự thay đổi, đổi mới sáng tạo và điều hành nhóm chuyên môn trong môi trường giáo dục đa dạng.	6.1 Dẫn dắt tổ chức vượt qua các rào cản để thực hiện đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. 6.2 Điều phối nhóm chuyên môn thiết kế và vận hành chương trình giáo dục nhà trường.
7	PLO7 (A1)	Thể hiện năng lực tư duy phản biện, làm việc độc lập và trách nhiệm giải trình trong việc phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề phức hợp của quản lý giáo dục dựa trên minh chứng khoa học và thực tiễn.	7.1 Thực hiện khảo sát thực trạng, phân tích vấn đề quản lý giáo dục một cách hệ thống; đề xuất các giải pháp cải tiến có cơ sở khoa học, tính khả thi và phù hợp với bối cảnh thực tiễn. 7.2 Chịu trách nhiệm giải trình về các quyết định quản lý, bảo đảm tính khoa học, minh bạch và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quản lý giáo dục.

STT	Mã PLOs	Nội dung của PLOs	Nội dung của PPCs và PLOs
8	PLO8 (A2)	Cam kết kiến tạo và phát triển văn hóa tổ chức, đạo đức công vụ trong cơ sở giáo dục; chủ động học tập suốt đời, cập nhật tri thức và phát triển năng lực nghề nghiệp theo hướng hội nhập quốc tế.	8.1 Thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống giá trị văn hóa tổ chức và đạo đức công vụ trong cơ sở giáo dục, góp phần xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nhân văn và chất lượng. 8.2 Chủ động cập nhật tri thức mới, kỹ năng quản lý và các chuẩn mực quốc tế; định hướng phát triển nghề nghiệp cá nhân và hỗ trợ phát triển đội ngũ trong bối cảnh hội nhập.

4. Các điều kiện bảo vệ Đề án

• Về chương trình đào tạo: Đã hoàn thành tất cả các học phần trong chương trình đào tạo (trừ học phần Đề án); điểm trung bình tích lũy các học phần đạt từ 5.5 trở lên (thang điểm 10) hoặc 2.0 trở lên (thang điểm 4).

• Về hồ sơ khoa học: *

- Có đơn xin bảo vệ Đề án.

- Có văn bản xác nhận và đồng ý cho bảo vệ của người hướng dẫn khoa học, khẳng định Đề án đạt yêu cầu về nội dung và chất lượng khoa học.

• Về liên chính khoa học: Đề án đã được kiểm tra trùng lặp qua phần mềm (như Turnitin) và có tỷ lệ tương đồng đạt ngưỡng quy định của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

• Về tư cách học viên:

- Không đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong Đề án.

- Hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan đến học phí và kinh phí bảo vệ.

5. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Học viên được xét công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

- Kết quả bảo vệ: Đề án đã được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên (điểm đạt từ 5.5 trở lên theo thang điểm 10).

- Hoàn thiện hồ sơ sau bảo vệ: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bảo vệ thành công, học viên phải hoàn thành việc chỉnh sửa Đề án theo kết luận của Hội đồng. Hồ sơ nộp về Viện Đào tạo Sau đại học phải có:

+ Xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng về việc đã hoàn thành chỉnh sửa.

+ Bản sao kết luận của Hội đồng và nhận xét của các phản biện.

+ Nộp bản cứng (đóng bìa cứng mạ vàng) và file số hóa để lưu trữ tại Thư viện theo quy định.

- Năng lực ngoại ngữ (Điều kiện tiên quyết): Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các văn bằng sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Các chứng chỉ quốc tế tương đương khác theo danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

- Pháp lý và Tài chính: Tính đến thời điểm xét tốt nghiệp, học viên không bị kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Hoàn thành đầy đủ lệ phí tốt nghiệp và các khoản thu hộ, chi hộ khác theo quy định của Nhà trường.

6. Thang điểm

Bảng 2. Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ và thang điểm 10

TT	Thang điểm 10	Điểm quy đổi sang điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
a) Loại đạt:				
1.	8,5 – 10,0	A	4	Giỏi
2.	7,0 – 8,4	B	3	Khá
3.	5,5 – 6,9	C	2	Trung bình
b) Loại không đạt:				
4.	Dưới 5,5	F	0	Kém

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý giáo dục (định hướng ứng dụng) nhằm đào tạo nhà quản lý/nhà lãnh đạo giáo dục có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có kiến thức chuyên sâu về quản lý giáo dục, quản trị nhà trường, pháp luật - chính sách, có năng lực lựa chọn mô hình quản trị hiện đại, triển khai chuyển đổi số và bảo đảm chất lượng; có khả năng hoạch định chiến lược, điều hành dựa trên dữ liệu, bằng chứng, lãnh đạo đội ngũ và phát triển văn hóa tổ chức nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn tại cơ sở giáo dục/cơ quan quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới, tự chủ và hội nhập.

2.2. Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo (PEOs)

Một năm sau khi tốt nghiệp, học viên tốt nghiệp có thể:

PEO1. Năng lực nghề nghiệp chuyên môn trong quản lý giáo dục:

Vận dụng kiến thức chuyên sâu về quản lý giáo dục, quản trị nhà trường, pháp luật và chính sách giáo dục, đồng thời phân tích và lựa chọn các mô hình quản trị giáo dục hiện đại để tổ chức, điều hành và phát triển hiệu quả các hoạt động của cơ sở giáo dục hoặc cơ quan quản lý giáo dục. (PLO1, PLO2)

PEO2. Năng lực phát hiện vấn đề, đổi mới và đóng góp cho ngành và xã hội:

Hoạch định chiến lược, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển; ứng dụng chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, bảo đảm chất lượng và ra quyết định quản lý dựa trên dữ liệu – bằng chứng nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề phức hợp trong quản lý giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của tổ chức giáo dục và xã hội. (PLO3, PLO4, PLO5).

PEO3. Năng lực đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững:

Thực hiện vai trò lãnh đạo, điều hành và truyền thông tổ chức; làm việc nhóm, quản trị xung đột; đồng thời thể hiện tính tự chủ nghề nghiệp, tuân thủ đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, học tập suốt đời và dẫn dắt đội ngũ, xây dựng văn hóa chất lượng trong cơ sở giáo dục. (PLO6, PLO7, PLO8).

Sự phù hợp giữa mục tiêu đào tạo (PEOS) và chuẩn đầu ra chương trình (PLOs)

Bảng 3. Ma trận đối sánh PEO – PLO

Mục tiêu đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)							
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
PEO1	x	x	x	x	x	x		
PEO2		x	x		x	x		x
PEO3							x	x

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý giáo dục được xây dựng dựa trên các nguyên tắc cốt lõi sau:

Tuân thủ khung pháp lý và chuẩn đối sánh

Đảm bảo sự tương thích hoàn toàn với Luật Giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF - Bậc 7) và Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT về chuẩn chương trình đào tạo.

Thực hiện đối sánh (Benchmarking) với các chương trình Quản lý giáo dục của các đại học uy tín trong nước và các trường đạt chuẩn kiểm định quốc tế (như AUN-QA, ACBSP) để đảm bảo tính hiện đại và hội nhập.

Thiết kế theo định hướng năng lực và phương pháp DACUM

Phân tích nhu cầu bên liên quan: Tổ chức hội thảo khoa học và áp dụng phương pháp DACUM (Developing A Curriculum) để lấy ý kiến từ các chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và các nhà quản lý giáo dục đương nhiệm.

Xác định chân dung năng lực: Phân tích chi tiết năng lực nghề nghiệp, bao gồm: Năng lực cốt lõi (Core competencies), Năng lực chuyên môn chuyên sâu và các kỹ năng bổ trợ (Soft skills) đáp ứng yêu cầu của thời đại số.

Áp dụng triết lý giáo dục dựa trên Chuẩn đầu ra

Xây dựng Mục tiêu và Chuẩn đầu ra (CLOs): Xác định rõ ràng học viên "làm được gì" sau khi tốt nghiệp thay vì chỉ tập trung vào "dạy nội dung gì".

Xây dựng Ma trận tích hợp (Mapping Matrix): Thiết lập sự gắn kết chặt chẽ giữa các yêu cầu năng lực – Mục tiêu chương trình – Chuẩn đầu ra và từng học phần cụ thể. Điều này đảm bảo tính logic và không chồng chéo trong nội dung đào tạo.

Tính linh hoạt và ứng dụng thực tiễn

Đề cương chi tiết học phần (Syllabus) phải thể hiện rõ sự tương quan giữa nội dung giảng dạy, phương pháp dạy học tích cực và phương pháp kiểm tra đánh giá (Alignment) nhằm đạt được các kết quả học tập mong đợi.

2. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực

Bảng 2. Mô tả mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực theo Định hướng ứng dụng – 60 tín chỉ)

Bảng 2. Mô tả mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực theo Định hướng ứng dụng – 60 tín chỉ)

Năng lực nghề chủ yếu	Số lượng học phần	Số tín chỉ	Tỉ lệ so với CTĐT (%)
Năng lực 1 (C1): Vận dụng pháp luật, chính sách và quản trị nhà trường	3	9	15
Năng lực 2 (C2): Hoạch định chiến lược, lựa chọn mô hình quản trị và tổ chức thực hiện	4	13	21,7
Năng lực 3 (C3): Quản lý chuyển đổi số, bảo đảm chất lượng và phát triển đội ngũ	4	14	23,3
Năng lực 4 (C4): Giải quyết vấn đề và ra quyết	3	9	15

định quản lý dựa trên bằng chứng			
Năng lực 5 (C5): Lãnh đạo, điều hành và truyền thông tổ chức trong giáo dục	2	6	10
Năng lực 6 (C6): Tự chủ nghề nghiệp, đạo đức công vụ và trách nhiệm xã hội	2	9	15
Tổng cộng	18 học phần	60 tín chỉ	100

3. Tóm tắt khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khoá học: 60 tín chỉ (định hướng Ứng dụng)

Bảng 3. Tóm tắt khối lượng kiến thức chương trình

TT	Kiến thức	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Phần kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản	6	10%
2	Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	36	60%
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	15	25%
2.2.	Kiến thức cốt lõi ngành	21	35%
3	Thực tập chuyên môn.	9	15%
4	Đề án	9	15%
	Tổng cộng	60	100

4. Danh mục các học phần trong CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành quản lý giáo dục theo định hướng Ứng dụng

Bảng 4. Danh mục các học phần trong CTĐT

STT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số	LT	TH/, TN, TL
Kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản			6	4	2
1.		Triết học	3	2	1
2.		Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý giáo dục	3	2	1
Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành			36	21	15
1. Kiến thức cơ sở ngành			15	10	5

Học phần bắt buộc			12	8	4
3.		Quản lý nhà trường trong bối cảnh đổi mới	3	2	1
4.		Lý luận tổ chức và quản lý	3	2	1
5.		Chính sách chiến lược trong giáo dục	3	2	1
6.		Quản lý hệ thống giáo dục quốc dân	3	2	1
Học phần tự chọn các môn cơ sở ngành (chọn 3/9 TC)			3	2	1
7.		Lý thuyết quản lý giáo dục nâng cao và phân tích so sánh quốc tế	3	2	1
8.		Toàn cầu hóa chuyển đổi số trong quản lý giáo dục	3	2	1
9.		Các tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	3	2	1
2. Kiến thức cốt lõi ngành			21	11	10
Học phần bắt buộc			18	10	8
10.		Quản lý chất lượng trong giáo dục	4	2	2
11.		Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục.	4	2	2
12.		Tâm lý học ứng dụng trong tổ chức và quản lý giáo dục.	3	2	1
13.		Chuyển đổi số và ứng dụng AI trong quản trị giáo dục	3	2	1
14.		Thiết kế và phát triển chương trình giáo dục	4	2	2
Học phần tự chọn các môn cốt lõi ngành – Chọn 3/6 TC			3	1	2
15.		Xây dựng và phát triển văn hoá nhà trường	3	1	2
16.		Đo lường và đánh giá trong giáo dục	3	1	2
Thực tập chuyên môn			09	0	09
Đề án Thạc sĩ			09		Bảo vệ trước hội

			đồng
Tổng cộng	60		

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến:

Bảng 5. Kế hoạch học tập 6 học kỳ – CTĐT Thạc sĩ định hướng Ứng dụng (60 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	T C	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
					LT	TH	Tự học		
HỌC KỲ 1				6	60	60	270		
1.		Triết học	Philosophy	3	30	30	90	Thuyết giảng tương tác kết hợp thảo luận chuyên đề, định hướng vận dụng phương pháp luận triết học vào phân tích các vấn đề quản lý giáo dục.	Tiểu luận hoặc bài thi tự luận vận dụng, đánh giá năng lực tư duy phản biện và khả năng vận dụng phương pháp luận khoa học.
2.		Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý giáo dục	Scientific research methods in educational management	3	30	30	90	Dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based Learning – PBL) kết hợp hướng dẫn xây dựng đề	Đề cương nghiên cứu/đề án tốt nghiệp, đánh giá khả năng xác định vấn đề, lựa chọn phương pháp và thiết kế nghiên cứu.

								cương nghiên cứu ứng dụng.	
HỌC KỲ 2				15	15 0	15	450		
<i>Bắt buộc</i>				12	12 0	12 0	360		
3.		Quản lý nhà trường trong bối cảnh đổi mới	School Innovation and Management	3	30	30	90	Thuyết giảng kết hợp phân tích tình huống và mô hình quản trị nhà trường trong bối cảnh tự chủ và đổi mới giáo dục.	Bài tập nhóm: xây dựng mô hình quản trị nhà trường phù hợp với bối cảnh thực tiễn.
4.		Lý luận tổ chức và quản lý	Organization and Management Theory	3	30	30	90	Phân tích tình huống quản lý tổ chức và nguồn lực trong cơ sở giáo dục.	Đề án thực hành: xây dựng phương án tổ chức và huy động nguồn lực cho cơ sở giáo dục.
5.		Chính sách chiến lược trong giáo dục	Educational Policy and Strategy	3	30	30	90	Seminar chuyên đề, thảo luận và phân biện chính sách giáo dục dựa trên đối sánh trong nước và	Tiểu luận phân tích và đề xuất giải pháp cải tiến chính sách hoặc chiến lược giáo dục.

								quốc tế.	
6.		Quản lý hệ thống giáo dục quốc dân	National Education System Management	3	30	30	90	Thuyết giảng kết hợp thảo luận học thuật và phân tích mô hình quản lý hệ thống giáo dục.	Tiểu luận hoặc bài thi tự luận vận dụng, đánh giá năng lực phân tích hệ thống và lựa chọn mô hình quản lý.
Tự chọn			Chọn (1 trong 3 môn)	3	30	30	90		
7.		Lý thuyết quản lý giáo dục nâng cao và phân tích so sánh quốc tế	Advanced Educational Management Theory and International Comparative Analysis	3	30	30	90	Thuyết giảng chuyên sâu kết hợp thảo luận so sánh quốc tế các lý thuyết và mô hình quản lý giáo dục.	Tiểu luận phân tích đối sánh hoặc bài thi tự luận vận dụng lý thuyết vào thực tiễn quản lý.
8.		Toàn cầu hóa và chuyển đổi số trong quản lý giáo dục	Globalization and Digital Transformation in Education Management	3	30	30	90	Hướng dẫn thực hành phân tích dữ liệu, thảo luận chuyên đề và viết bài nghiên cứu ứng dụng.	Bài tập phân tích dữ liệu và tiểu luận/đề cương bài báo khoa học ứng dụng.
9.		Các tiếp cận hiện đại trong quản lý	Modern Approaches in Educational Management	3	30	30	90	Phân tích tình huống quản lý và thảo luận	Tiểu luận đề xuất giải pháp quản lý hoặc bài thi tự luận

		giáo dục						các tiếp cận, mô hình quản lý giáo dục hiện đại.	gắn với thực tiễn quản lý giáo dục.
HỌC KỲ 3				11	90	15 0	310		
10.		Quản lý chất lượng trong giáo dục	Quality Management in Education	4	30	60	110	Workshop thực hành trực tiếp các công cụ đảm bảo và đánh giá chất lượng, ứng dụng công nghệ và dữ liệu.	Sản phẩm ứng dụng và đề án cải tiến/chuyển đổi số trong quản lý chất lượng giáo dục.
11.		Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục	Human Resources Management in Education	4	30	60	110	Dạy học theo dự án, thực hành thiết kế mô hình quản lý và phát triển nguồn nhân lực theo tiếp cận OBE.	Hồ sơ dự án: thiết kế hệ thống quản lý nhân sự hoặc chương trình phát triển đội ngũ.
12.		Tâm lý học ứng dụng trong tổ chức và quản lý giáo dục.	Applied Psychology in Educational Organization and Management	3	30	30	90	Mô phỏng và phân tích quá trình ra quyết định lãnh đạo, xử lý tình huống tâm lý trong tổ chức giáo	Bản kế hoạch chiến lược hoặc phương án quản lý dựa trên minh chứng tâm lý – hành vi tổ chức.

								dục.	
HỌC KỲ 4				10	75	15 0	275		
<i>Bắt buộc</i>				7	60	90	200		
13.		Chuyên đổi số và ứng dụng AI trong quản trị giáo dục	Digital Transformation and AI Applications in Educational Management	3	30	30	90	Workshop thực hành, học tập theo dự án về ứng dụng công nghệ số và AI trong quản trị giáo dục.	Sản phẩm dự án hoặc báo cáo ứng dụng AI/chuyên đổi số trong cơ sở giáo dục.
14.		Thiết kế và phát triển chương trình giáo dục	Curriculum Design and Development	4	30	60	110	Học tập theo dự án, thực hành thiết kế và phát triển chương trình giáo dục theo tiếp cận chuẩn đầu ra.	Hồ sơ thiết kế chương trình (Curriculum/S yllabus) và báo cáo thuyết minh.
<i>Tự chọn</i>			<i>Chọn (1 trong 2)</i>	3	15	60	75		
15.		Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường	School Culture Development and Improvement	3	15	60	75	Phân tích tình huống, thảo luận và đóng vai xử lý các vấn đề về văn hóa và môi trường tổ chức giáo dục.	Báo cáo phân tích tình huống hoặc phương án xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường.

16.		Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Educational Measurement and Assessment	3	15	60	75	Thuyết giảng kết hợp hướng dẫn thực hành xây dựng công cụ đo lường, quản lý hồ sơ và dữ liệu giáo dục.	Bài tập thực hành và tiểu luận vận dụng công cụ đo lường, đánh giá trong cơ sở giáo dục.
HỌC KỲ 5				9	0	27 0	180		
17.		Thực tập chuyên môn	Professional Internship	9	0	27 0	180	Thực địa, quan sát, phỏng vấn chuyên gia và tham gia hoạt động quản lý thực tế tại cơ sở giáo dục.	Báo cáo khảo sát thực tế và xác định vấn đề quản lý giáo dục tại đơn vị thực tập.
HỌC KỲ 6				9	0	27 0	180		
18.		Đề án Thạc sĩ	Master's Project	9	0	27 0	180	Hướng dẫn chuyên sâu 1:1, nghiên cứu – hành động và tư vấn triển khai giải pháp quản lý ứng dụng.	Bảo vệ đề án thạc sĩ trước Hội đồng đánh giá theo quy định.

6. Sự đóng góp của các học phần cho Chuẩn đầu ra chương trình

I (Introduce): Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs (Programe Performance Criteria) ở mức độ đơn giản.

P (Practice): Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs ở mức độ trung bình.

M (Master): Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs ở mức độ thành thạo.

Bảng 6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra chương trình theo thang IPM) – định hướng Ứng dụng

TT	Mã HP	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
1.		Triết học	I						I	
2.		Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục			I	I			I	
3.		Quản lý nhà trường trong bối cảnh đổi mới	P	P						P
4.		Lý luận tổ chức và quản lý	P			P				P
5.		Chính sách chiến lược trong giáo dục	P	P						P

TT	Mã HP	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
6.		Quản lý hệ thống giáo dục quốc dân								
7.		Lý thuyết quản lý giáo dục nâng cao và phân tích so sánh quốc tế	P	P						P
8.		Toàn cầu hóa và chuyển đổi số trong quản lý giáo dục	P		P					P
9.		Các tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	P		P					P
10.		Quản lý chất lượng trong giáo dục					M	P		
11.		Quản lý	P	P						P

TT	Mã HP	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
		nguồn nhân lực trong giáo dục								
12.		Tâm lý học ứng dụng trong tổ chức và quản lý giáo dục	M			P	P			M
13.		Chuyển đổi số và ứng dụng AI trong quản trị giáo dục				M				M
14.		Thiết kế và phát triển chương trình giáo dục				P				P
15.		Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường	P			P				P
16.		Đo lường và đánh giá	P			P				P

TT	Mã HP	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
		trong giáo dục								
17.		Thực tập chuyên môn			M	P			P	
18.		Đề án Thạc sĩ	M	M	M	M	M	M	M	M

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1) Triết học (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho học viên những tri thức cơ bản của triết học Mác – Lênin và phương pháp luận khoa học nhằm hình thành nền tảng tư duy lý luận cho hoạt động quản lý giáo dục. Nội dung tập trung vào thế giới quan khoa học, phương pháp tư duy biện chứng, các quy luật vận động và phát triển của xã hội, con người và giáo dục. Học phần làm rõ vai trò của tri thức triết học trong nhận thức và giải quyết các vấn đề quản lý giáo dục đương đại. Qua học phần, học viên phát triển năng lực tư duy hệ thống, tư duy phân biện và vận dụng phương pháp luận khoa học vào phân tích, đánh giá và ra quyết định quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới.

2) Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý giáo dục (3 tín chỉ)

Học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý giáo dục” trang bị cho học viên hệ thống kiến thức và kỹ năng nền tảng về phương pháp luận nghiên cứu khoa học theo định hướng ứng dụng trong quản lý giáo dục. Nội dung học phần tập trung vào việc xác định và phân tích các vấn đề quản lý giáo dục; xây dựng câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu; lựa chọn và thiết kế nghiên cứu định lượng, định tính và phương pháp hỗn hợp phù hợp với bối cảnh quản lý. Thông qua các hoạt động thực hành nghiên cứu, học viên được rèn luyện kỹ năng tổng quan tài liệu, thiết kế công cụ thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu phục vụ ra quyết định quản lý và cải tiến hoạt động giáo dục. Học phần đồng thời nhấn mạnh đạo đức nghiên cứu, liêm chính học thuật và trách nhiệm nghề nghiệp trong nghiên cứu quản lý giáo dục. Kết thúc học phần, học viên có khả năng xây dựng đề cương nghiên cứu hoặc đề án ứng dụng làm nền tảng cho thực tập chuyên môn và Đề án thạc sĩ.

3) Quản lý nhà trường trong bối cảnh đổi mới (3 tín chỉ)

Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng quản lý nhà trường trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và hội nhập quốc tế. Nội dung tập trung vào mô hình quản lý nhà trường hiện đại, vai trò của lãnh đạo giáo dục và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý. Học viên được tiếp cận các tình huống quản lý thực tiễn và yêu cầu đổi mới quản trị nhà trường. Sau học phần, học viên có năng lực phân tích bối cảnh, tổ chức và điều hành hoạt động nhà trường theo hướng hiệu quả và bền vững.

4) Lý luận tổ chức và quản lý (3 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng quản lý tổng thể các nguồn lực trong cơ sở giáo dục. Nội dung bao gồm quản lý nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất và các nguồn lực hỗ trợ khác theo hướng hiệu quả và minh bạch. Học phần nhấn mạnh mối liên hệ giữa quản lý nguồn lực và chất lượng giáo dục. Sau khi hoàn thành, học viên có năng lực lập kế hoạch, phân bổ, giám sát và sử dụng hiệu quả nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển của cơ sở giáo dục.

5) Chính sách chiến lược trong giáo dục (3 tín chỉ)

Học phần Chính sách và chiến lược trong giáo dục trang bị cho học viên hệ thống kiến thức và kỹ năng cốt lõi về phân tích, xây dựng, triển khai và đánh giá chính sách giáo dục trong mối liên hệ với chiến lược phát triển giáo dục ở các cấp độ (quốc gia, địa phương, cơ sở giáo dục). Nội dung học phần tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của chính sách giáo dục; mối quan hệ giữa chính sách và chiến lược quản trị giáo dục; các mô hình hoạch định và vận hành chính sách trong bối cảnh đổi mới, tự chủ và chuyển đổi số. Học viên được tiếp cận các công cụ và phương pháp phân tích chính sách hiện đại như phân tích bối cảnh, phân tích các bên liên quan, đánh giá tác động chính sách (policy impact analysis), phân tích chi phí hiệu quả và sử dụng minh chứng, dữ liệu trong hoạch định chính sách giáo dục. Học phần đồng thời chú trọng kỹ năng liên kết chính sách với kế hoạch chiến lược và kế hoạch hành động của cơ sở giáo dục, bảo đảm tính khả thi, bền vững và phù hợp với bối cảnh thực tiễn. Thông qua các nghiên cứu tình huống (case study) trong nước và quốc tế, thảo luận chuyên đề và tiểu luận ứng dụng, học viên được rèn luyện năng lực tư duy phản biện, phân tích chính sách và đề xuất giải pháp chiến lược cho các vấn đề giáo dục cụ thể (quản trị nhà trường, phát triển đội ngũ, đảm bảo chất lượng, công bằng trong giáo dục, chuyển đổi số...).

6) Quản lý hệ thống giáo dục quốc dân (3 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho học viên hệ thống lý thuyết quản lý giáo dục hiện đại ở trình độ nâng cao, làm cơ sở học thuật cho việc phân tích, đánh giá và lựa chọn mô hình quản lý phù hợp với bối cảnh phát triển giáo dục Việt Nam. Nội dung học phần tập trung vào các trường phái lý thuyết quản lý giáo dục đương đại, mô hình quản trị nhà trường, quản lý hệ thống giáo dục và xu hướng quản trị giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa. Bên cạnh đó, học phần tiếp cận phương pháp phân tích so sánh nhằm đối sánh chính sách, mô hình và thực tiễn quản lý giáo dục giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ. Thông qua thảo luận học thuật và phân tích tình huống, học viên được rèn luyện năng lực tư duy phản

biện, phân tích bối cảnh và đánh giá hiệu quả của các mô hình quản lý. Kết thúc học phần, học viên có khả năng lựa chọn, vận dụng và điều chỉnh các lý thuyết và mô hình quản lý giáo dục vào thực tiễn quản lý tại cơ sở giáo dục hoặc cơ quan quản lý giáo dục.

7) Lý thuyết quản lý giáo dục nâng cao và phân tích so sánh quốc tế (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về phân tích, đánh giá và tham gia xây dựng chính sách giáo dục trong bối cảnh đổi mới hệ thống giáo dục. Nội dung học phần tập trung vào lý thuyết và quy trình hình thành chính sách giáo dục, các công cụ và phương pháp phân tích chính sách, đánh giá tác động chính sách và quản trị chính sách công trong giáo dục. Học viên được tiếp cận các vấn đề chính sách giáo dục đương đại thông qua nghiên cứu tình huống thực tiễn ở Việt Nam và quốc tế. Học phần đồng thời phát triển kỹ năng vận động chính sách, truyền thông chính sách và tham mưu cho các cơ quan quản lý giáo dục. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có năng lực phân tích, đề xuất và tham gia triển khai chính sách giáo dục phù hợp với yêu cầu phát triển và cải cách giáo dục.

8) Toàn cầu hóa chuyển đổi số trong quản lý giáo dục (3 tín chỉ)

Học phần “Toàn cầu hóa và chuyển đổi số trong quản lý giáo dục” trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng phân tích bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số trong quản lý giáo dục ở cấp cơ sở và hệ thống. Nội dung học phần tập trung làm rõ các xu hướng toàn cầu, mô hình quản trị giáo dục hiện đại và chiến lược chuyển đổi số trong bối cảnh hội nhập quốc tế; vai trò của dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và các hệ thống thông tin quản lý trong quản trị giáo dục dựa trên minh chứng. Thông qua phân tích tình huống, thực hành dự án và thảo luận học thuật, học viên vận dụng các công cụ số để thiết kế và đề xuất giải pháp chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục, đồng thời xem xét các vấn đề đạo đức, pháp lý và trách nhiệm giải trình trong quản lý giáo dục số. Kết thúc học phần, học viên có năng lực tham mưu, lựa chọn và triển khai các giải pháp quản trị giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số theo hướng hiệu quả, bền vững và có trách nhiệm nghề nghiệp.

9) Các tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng về thiết kế, phát triển và cải tiến chương trình giáo dục theo tiếp cận chuẩn đầu ra và quản lý chất lượng. Nội dung học phần tập trung vào các nguyên lý và quy trình xây dựng chương trình, xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình và tổ chức triển khai trong bối cảnh đổi mới giáo dục. Học viên được thực hành phân tích chương trình hiện hành, thiết kế và điều chỉnh chương

trình phù hợp với yêu cầu của người học, nhà trường và xã hội. Học phần đồng thời phát triển năng lực đánh giá và cải tiến chương trình dựa trên minh chứng và phản hồi từ thực tiễn. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có năng lực tham gia thiết kế, phát triển và quản lý chương trình giáo dục tại các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục.

10) *Quản lý chất lượng trong giáo dục (4 tín chỉ)*

Học phần nhằm trang bị cho học viên hệ thống lý thuyết quản lý giáo dục hiện đại ở trình độ nâng cao, làm cơ sở học thuật cho việc phân tích, đánh giá và lựa chọn mô hình quản lý phù hợp với bối cảnh phát triển giáo dục Việt Nam. Nội dung học phần tập trung vào các trường phái lý thuyết quản lý giáo dục đương đại, mô hình quản trị nhà trường, quản lý hệ thống giáo dục và xu hướng quản trị giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa. Bên cạnh đó, học phần tiếp cận phương pháp phân tích so sánh nhằm đối sánh chính sách, mô hình và thực tiễn quản lý giáo dục giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ. Thông qua thảo luận học thuật và phân tích tình huống, học viên được rèn luyện năng lực tư duy phân biện, phân tích bối cảnh và đánh giá hiệu quả của các mô hình quản lý. Kết thúc học phần, học viên có khả năng lựa chọn, vận dụng và điều chỉnh các lý thuyết và mô hình quản lý giáo dục vào thực tiễn quản lý tại cơ sở giáo dục hoặc cơ quan quản lý giáo dục.

11) *Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục (4 tín chỉ)*

Học phần trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về phân tích, đánh giá và tham gia xây dựng chính sách giáo dục trong bối cảnh đổi mới hệ thống giáo dục. Nội dung học phần tập trung vào lý thuyết và quy trình hình thành chính sách giáo dục, các công cụ và phương pháp phân tích chính sách, đánh giá tác động chính sách và quản trị chính sách công trong giáo dục. Học viên được tiếp cận các vấn đề chính sách giáo dục đương đại thông qua nghiên cứu tình huống thực tiễn ở Việt Nam và quốc tế. Học phần đồng thời phát triển kỹ năng vận động chính sách, truyền thông chính sách và tham mưu cho các cơ quan quản lý giáo dục. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có năng lực phân tích, đề xuất và tham gia triển khai chính sách giáo dục phù hợp với yêu cầu phát triển và cải cách giáo dục.

12) *Tâm lý học ứng dụng trong tổ chức và quản lý giáo dục (3 tín chỉ)*

Học phần nhằm trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động quản lý và điều hành giáo dục. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về chuyển đổi số trong giáo dục, hệ thống thông tin quản lý, khai thác dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công cụ hỗ trợ ra quyết định quản lý dựa trên dữ liệu. Học viên được tiếp cận các mô hình quản lý giáo dục thông minh, quản trị dựa trên dữ liệu và

đảm bảo chất lượng trong môi trường số. Thông qua các bài tập tình huống và thực hành, học viên phát triển năng lực lựa chọn và ứng dụng giải pháp công nghệ phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục. Kết thúc học phần, học viên có khả năng vận dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, minh bạch hóa thông tin và hỗ trợ ra quyết định quản lý giáo dục.

13) Chuyển đổi số và ứng dụng AI trong quản lý giáo dục (3 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động quản lý và điều hành giáo dục. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về chuyển đổi số trong giáo dục, hệ thống thông tin quản lý, khai thác dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công cụ hỗ trợ ra quyết định quản lý dựa trên dữ liệu. Học viên được tiếp cận các mô hình quản lý giáo dục thông minh, quản trị dựa trên dữ liệu và đảm bảo chất lượng trong môi trường số. Thông qua các bài tập tình huống và thực hành, học viên phát triển năng lực lựa chọn và ứng dụng giải pháp công nghệ phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục. Kết thúc học phần, học viên có khả năng vận dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, minh bạch hóa thông tin và hỗ trợ ra quyết định quản lý giáo dục.

14) Thiết kế và phát triển chương trình giáo dục (4 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho học viên hệ thống kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản lý hồ sơ, dữ liệu số và thông tin quản lý trong cơ sở giáo dục. Nội dung học phần tập trung vào các nguyên tắc tổ chức, lưu trữ, khai thác, liên thông và bảo mật dữ liệu; ứng dụng các hệ thống quản lý dữ liệu số, hồ sơ điện tử và nền tảng quản lý giáo dục. Học viên được thực hành xây dựng quy trình quản lý dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành và đảm bảo chất lượng giáo dục. Kết thúc học phần, học viên có năng lực quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu số một cách hiệu quả, an toàn và tuân thủ quy định pháp luật, phục vụ ra quyết định quản lý dựa trên bằng chứng.

15) Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường (3 tín chỉ)

Học phần giúp học viên vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng quản lý giáo dục để phân tích và đề xuất các giải pháp quản trị xuất phát từ những vấn đề thực tiễn tại cơ sở giáo dục hoặc tổ chức giáo dục. Nội dung tập trung vào phương pháp nghiên cứu tình huống, phân tích bối cảnh, xác định vấn đề quản lý cốt lõi và xây dựng các phương án giải quyết. Học viên được rèn luyện tư duy phản biện, tư duy hệ thống và năng lực lựa chọn giải pháp quản trị phù hợp với điều kiện thực tế. Sau khi hoàn thành học phần, học

viên có năng lực đề xuất các giải pháp quản trị có cơ sở khoa học, tính khả thi và giá trị ứng dụng cao.

16) Đo lường và đánh giá trong giáo dục (3 tín chỉ)

Học phần “Đo lường và đánh giá trong giáo dục” trang bị cho học viên hệ thống kiến thức và kỹ năng cốt lõi về đo lường, đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá trong quản lý giáo dục theo tiếp cận hiện đại. Nội dung học phần tập trung vào các nguyên lý, phương pháp và công cụ đo lường và đánh giá trong giáo dục; thiết kế công cụ đánh giá (phiếu khảo sát, bảng kiểm, rubrics, chỉ số KPI); tổ chức thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu đánh giá phục vụ bảo đảm chất lượng và ra quyết định quản lý dựa trên minh chứng. Thông qua các hoạt động thực hành, phân tích tình huống và dự án học phần, học viên vận dụng kết quả đo lường và đánh giá để đề xuất các giải pháp cải tiến hoạt động giáo dục và quản lý tại cơ sở giáo dục. Kết thúc học phần, học viên có năng lực thiết kế và sử dụng hệ thống đo lường và đánh giá một cách khoa học, có trách nhiệm nghề nghiệp và tuân thủ đạo đức trong quản lý giáo dục.

17) Thực tập chuyên môn (9 tín chỉ)

Học phần nhằm phát triển năng lực thiết kế các giải pháp quản lý giáo dục dựa trên kết quả khảo sát và phân tích thực trạng. Nội dung tập trung vào phương pháp xây dựng mục tiêu giải pháp, lựa chọn phương án, xác định nguồn lực và điều kiện triển khai. Học viên được rèn luyện kỹ năng thiết kế giải pháp quản lý có căn cứ khoa học, phù hợp với bối cảnh tổ chức và yêu cầu đổi mới giáo dục. Sau học phần, học viên có năng lực đề xuất các giải pháp quản lý khả thi, có tính ứng dụng cao và phù hợp với thực tiễn quản lý giáo dục.

18) Đề án Thạc sĩ (9 tín chỉ)

Đề án Thạc sĩ là học phần tổng hợp, mang tính ứng dụng cao, nhằm giải quyết một vấn đề quản lý cụ thể tại cơ sở giáo dục hoặc tổ chức giáo dục nơi học viên đang công tác hoặc nghiên cứu. Khác với luận văn định hướng nghiên cứu lý luận, Đề án Thạc sĩ tập trung vào việc phân tích thực trạng, thiết kế và triển khai một hệ thống giải pháp quản trị đồng bộ, có minh chứng thực tế và khả năng áp dụng trực tiếp. Sản phẩm của Đề án thể hiện năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm quản lý vào thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng giáo dục của đơn vị.

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ THAM KHẢO

Nội dung đối sánh	CTĐT Trường ĐH Nguyễn Tất Thành (NTTU)	Trường ĐHSP TP.HCM	Trường ĐHSP - ĐH Thái Nguyên	ĐH Melbourne (Úc) - Master of Ed. Mgmt	ĐHSP Hoa Đông (TQ) - Master in Ed. Admin	Nhận xét đối sánh theo từng mục
Tổng số tín chỉ	60 tín chỉ	60 tín chỉ	60 tín chỉ	100 - 200 điểm (Tương đương 60-80 TC VN)	36 - 40 tín chỉ (Tương đương 60 TC VN)	Các chương trình đều đảm bảo khối lượng kiến thức tương đương chuẩn trình độ thạc sĩ (bậc 7), với tổng khối lượng khoảng 60 tín chỉ hoặc quy đổi tương đương theo hệ thống tín chỉ/điểm của từng quốc gia, bảo đảm yêu cầu về thời lượng và chiều sâu đào tạo.
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn hoặc số tín chỉ)	19 học phần	15 - 17 học phần	16 - 18 học phần	8 - 12 học phần	12 - 15 học phần	Chương trình của NTUU được thiết kế với số lượng học phần nhiều hơn, mỗi học phần có quy mô tín chỉ vừa phải, nhằm tăng cường khả năng tiếp cận từng nhóm năng lực quản lý cụ thể. Cách cấu trúc này phù hợp với định hướng đào tạo theo năng lực và yêu cầu thực hành nghề nghiệp trong quản lý giáo dục.
- Học phần đại cương/Khoa học cơ bản	6 tín chỉ: Triết học, Ngoại ngữ học thuật.	8 tín chỉ: Triết học, Tiếng Anh, Công nghệ	9 tín chỉ: Triết học, Tiếng Anh.	Không có (Tập trung môn công cụ nghiên cứu).	8-10 tín chỉ: Chính trị, Ngoại ngữ.	NTTU bố trí khối kiến thức đại cương ở mức hợp lý, tập trung vào những học phần thiết yếu phục vụ tư duy học thuật và năng lực sử dụng ngoại ngữ, đồng thời dành thời lượng phù hợp cho khối kiến

Nội dung đối sánh	CTĐT Trường ĐH Nguyễn Tất Thành (NTTU)	Trường ĐHSP TP.HCM	Trường ĐHSP - ĐH Thái Nguyên	ĐH Melbourne (Úc) - Master of Ed. Mgmt	ĐHSP Hoa Đông (TQ) - Master in Ed. Admin	Nhận xét đối sánh theo từng mục
		thông tin.				thức chuyên môn. Cách tiếp cận này tương đồng với xu hướng quốc tế, đặc biệt ở các chương trình định hướng quản lý và ứng dụng.
- Học phần cơ sở và cốt lõi ngành	27 tín chỉ: Lãnh đạo, Chuyển đổi số, AI và Big Data.	21 tín chỉ: Lý luận QLGD, Kinh tế giáo dục Tâm lý quản lí.	21 tín chỉ: Phương pháp luận nghiên cứu. Tâm lý học quản lí.	Tập trung: Chính sách giáo dục, Quản trị tổ chức.	Lý luận QLGD, Quản lý nhà trường.	Khối kiến thức cốt lõi của chương trình NTTU tập trung vào các năng lực quản lý hiện đại như lãnh đạo, quản trị tổ chức, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong giáo dục. Cách thiết kế này thể hiện sự dịch chuyển từ tiếp cận lý luận thuần túy sang tiếp cận quản lý dựa trên dữ liệu và công nghệ, phù hợp với bối cảnh đổi mới quản trị giáo dục tại Việt Nam và tiệm cận xu hướng quốc tế.
- Thực tập và tốt nghiệp (Ghi theo định hướng ứng dụng)	Nghiên cứu: Luận văn (15). Ứng dụng: Chuyên đề (9)	Nghiên cứu: Luận văn (18). Ứng dụng:	Nghiên cứu: Luận văn (15). Ứng dụng:	Nghiên cứu: Thesis (50 điểm). Ứng dụng: Capstone Project	Ứng dụng: Luận văn nghiên cứu. Ứng dụng:	Cấu trúc học phần tốt nghiệp của NTTU, đặc biệt với định hướng ứng dụng thông qua các chuyên đề và Đề án thực sĩ, có tính tương đồng cao với mô hình Capstone Project của Đại học Melbourne và tiếp cận nghiên cứu hành động (Action Research) của Đại học Sư

Nội dung đối sánh	CTĐT Trường ĐH Nguyễn Tất Thành (NTTU)	Trường ĐHSP TP.HCM	Trường ĐHSP - ĐH Thái Nguyên	ĐH Melbourne (Úc) - Master of Ed. Mgmt	ĐHSP Hoa Đông (TQ) - Master in Ed. Admin	Nhận xét đối sánh theo từng mục
	và Đề án (9).	Thực tập (5) và Luận văn (11).	Luận văn (13).	(25 điểm).	Thực tập và Đề án giải quyết vấn đề.	phạm Hoa Đông. Mô hình này phù hợp với yêu cầu giải quyết các vấn đề quản lý cụ thể trong thực tiễn cơ sở giáo dục Việt Nam.
- Học phần khác	6 tín chỉ tự chọn: Quản lý giáo dục chuyên sâu, chính sách giáo dục, an toàn học đường, quản trị dữ liệu số.	13 - 15 Tự chọn: Văn hóa tổ chức, quản lý nhân sự.	15 - 16 Tự chọn: Quản lý hoạt động dạy học.	Cá nhân hóa theo định hướng người học.	Giáo dục so sánh, Lịch sử giáo dục.	Mặc dù số tín chỉ tự chọn của chương trình NTTU thấp hơn so với một số chương trình trong nước, song sự khác biệt này phản ánh định hướng thiết kế chương trình theo tiếp cận chuẩn đầu ra và ứng dụng. Các nội dung chuyên sâu như chính sách giáo dục, an toàn học đường, quản trị dữ liệu số đã được tích hợp vào các học phần bắt buộc nhằm bảo đảm tất cả học viên đều đạt được các năng lực cốt lõi cần thiết cho hoạt động quản lý giáo dục trong bối cảnh hiện nay.
Phương pháp giảng dạy/học tập	Hiện đại: PBL, Project-based, Workshop AI.	Thảo luận, nghiên cứu tình huống.	Xêmina, thực hành, tự học.	Nghiên cứu độc lập, phân tích minh chứng.	Thuyết giảng kết hợp khảo sát thực địa.	Chương trình của NTTU áp dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực như học tập theo dự án, giải quyết vấn đề, workshop chuyên đề và học tập gắn với thực tiễn. Cách

Nội dung đối sánh	CTĐT Trường ĐH Nguyễn Tất Thành (NTTU)	Trường ĐHSP TP.HCM	Trường ĐHSP - ĐH Thái Nguyên	ĐH Melbourne (Úc) - Master of Ed. Mgmt	ĐHSP Hoa Đông (TQ) - Master in Ed. Admin	Nhận xét đối sánh theo từng mục
						tiếp cận này có sự tương đồng với mô hình đào tạo trải nghiệm của các chương trình quốc tế, đồng thời phù hợp với điều kiện và nhu cầu người học tại Việt Nam.
Học phí	Theo quy định của NTTU	Theo định mức công lập	Theo định mức công lập	Rất cao (Học phí quốc tế)	Theo diện học bổng hoặc tự túc	Mức học phí của chương trình NTTU được xây dựng phù hợp với mô hình trường đại học tự thực tự chủ, gắn với điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ phục vụ hoạt động dạy và học.
Các đối sánh khác	Quản trị giáo dục thông minh và Thực chiến.	Hàn lâm và Lý luận truyền thống.	Sư phạm và Quản lý trường học.	Quản trị hệ thống toàn cầu.	Trường học thông minh và CDS.	Chương trình thạc sĩ Quản lý giáo dục của NTTU thể hiện rõ bản sắc riêng thông qua sự kết hợp giữa nền tảng sư phạm Việt Nam và tư duy quản trị hiện đại, chú trọng tính ứng dụng, tính thực hành và khả năng thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số và tự chủ giáo dục.

Qua đối sánh cho thấy, chương trình thạc sĩ Quản lý giáo dục của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành có cấu trúc hợp lý, định hướng rõ ràng theo tiếp cận ứng dụng, chú trọng phát triển năng lực quản lý thực tiễn. Chương trình không chạy theo hình thức hay số lượng học phần, mà tập trung chuẩn hóa năng lực đầu ra, đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị giáo dục trong bối cảnh hiện nay.

Liên kết truy cập chương trình thạc sĩ Quản lý giáo dục/Quản lý giáo dục của 2 trường đại học Việt Nam và 2 trường quốc tế:

1. Đại học sư phạm TP. HCM:

2. Đại học Thái Nguyên:

3. The University of Melbourne – Master of Education (Educational Management)

Trang chính chương trình thạc sĩ (Master of Education/Educational Management)

<https://study.unimelb.edu.au/find/courses/graduate/master-of-education/>

Trang *Master of Education* của ĐH Melbourne cung cấp mô tả chung, các định hướng chuyên sâu, bao gồm cả Educational Leadership và Policy/Management. ([Study](#))

Thông tin chi tiết chương trình *Educational Management*

<https://handbook.unimelb.edu.au/2023/courses/mc-ededmgt>

Đây là liên kết Handbook Melbourne về *Master of Education (Educational Management)* – phiên bản mô tả cấu trúc, môn học và mục tiêu đào tạo của chương trình. ([The University of Melbourne Handbook](#))

Lưu ý: Chương trình *Master of Education (Educational Management)* tại Melbourne được xếp trong *Master of Education* với chuyên môn/quy hoạch về Educational Management; hiện có trong Handbook để xem cấu trúc chi tiết. ([The University of Melbourne Handbook](#))

4. East China Normal University (ECNU) – Master of Education in Educational Leadership and Policy

Link mô tả chương trình thạc sĩ tại ECNU theo tài liệu chính thức

PDF chương trình Master of Education in Educational Leadership and Policy (được ECNU cung cấp)

Tài liệu này mô tả chương trình M.Ed – Educational Leadership và Policy tại ECNU, được tổ chức bằng tiếng Anh dành cho sinh viên quốc tế, tập trung vào leadership và policy trong quản lý giáo dục. ([Scribd](#))

Thông tin chương trình thạc sĩ về quản lý/giáo dục tại ECNU (tổng quan)

<https://ecnu.cucas.cn/program/Education-Management-66366.html>

Trang của *CUCAS* mô tả các chương trình thạc sĩ của ECNU trong lĩnh vực Quản lý giáo dục/Quản lý giáo dục và kinh tế giáo dục (tùy đường dẫn cụ thể). ([ECNU CUCAS](#))

Trang tuyển sinh quốc tế – ECNU

<https://english.ecnu.edu.cn/InternationalAdmissions.htm>

Trang tuyển sinh quốc tế của ECNU liệt kê các chương trình thạc sĩ và thông tin tuyển sinh bằng tiếng Anh, giúp Hội đồng xác minh chương trình bằng tiếng Anh. ([Đại học Sư phạm Đông Trung Quốc](#))

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy

Chương trình được tổ chức theo hình thức đào tạo tập trung, linh hoạt để phù hợp với đối tượng học viên là những người đang làm công tác quản lý:

- Mô hình học tập kết hợp (Blended Learning): Kết hợp giữa giảng dạy trực tiếp trên lớp và học tập trực tuyến thông qua hệ thống quản lý học tập (LMS). Học viên có thể chủ động tiếp cận tài liệu số trước khi thảo luận tại lớp.

- Phương pháp học tập qua dự án (Project-based Learning): Chú trọng việc giải quyết các tình huống thực tế (Case studies) và thực hiện các dự án nhỏ theo nhóm ngay trong từng học phần.

- Học tập qua trải nghiệm (Experiential Learning): Tổ chức các buổi tham quan học tập tại các cơ sở giáo dục tiên tiến, các buổi tọa đàm cùng các chuyên gia, hiệu trưởng và các nhà quản trị giáo dục thực chiến.

- Lịch học linh hoạt: Bố trí vào các buổi tối trong tuần hoặc ngày Thứ 7, Chủ nhật để tối ưu hóa thời gian cho học viên.

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Hệ thống đánh giá được thiết kế đa dạng nhằm đo lường chính xác năng lực ứng dụng của học viên thay vì chỉ đánh giá kiến thức lý thuyết:

- Đánh giá quá trình (40 - 60): Thông qua sự tham gia thảo luận, bài tập nhóm, các dự án học phần, và các bài thuyết trình tình huống quản trị.

- Đánh giá cuối kỳ (40 - 60): Ưu tiên các hình thức thi mở, đề án học phần, hoặc báo cáo phân tích thực trạng tại chính đơn vị học viên đang công tác.

- Đánh giá chuyên đề và Đề án: Sử dụng Hội đồng đánh giá bao gồm cả giảng viên cơ hữu và các chuyên gia từ thực tiễn để đảm bảo tính khách quan và tính khả thi của các giải pháp đề xuất.

3. Các hướng dẫn khác theo đặc thù ngành Quản lý giáo dục

- Gắn kết thực tiễn: Mỗi học viên cần chọn một cơ sở giáo dục cụ thể làm "địa bàn nghiên cứu xuyên suốt" từ các chuyên đề thực hành cho đến khi hoàn thiện Đề án Thạc sĩ.

- Đạo đức nghề nghiệp và Liêm chính học thuật: NTTU cam kết thực hiện nghiêm túc quy định về chống đạo văn. Các sản phẩm của học viên phải được kiểm tra qua phần mềm tầm soát để đảm bảo tính nguyên bản và đạo đức trong nghiên cứu.

- Hệ thống cố vấn học tập: Mỗi học viên được phân công một cố vấn học tập ngay từ học kỳ đầu tiên để hướng dẫn lộ trình tích lũy tín chỉ và định hướng đề tài đề án sớm.

4. Yêu cầu về Cơ sở vật chất

Để đáp ứng định hướng ứng dụng và chuyển đổi số trong quản lý, NTTU đảm bảo các điều kiện sau:

- Hệ thống phòng học: Phòng học thông minh (Smart classroom) trang bị đầy đủ máy chiếu hiện đại, màn hình tương tác, hệ thống âm thanh chuẩn và wifi tốc độ cao phủ sóng toàn diện.

- Phòng máy tính và Thư viện số: Thư viện với nguồn tài liệu giáo trình quản trị giáo dục phong phú và hệ thống thư viện số (e-library) liên kết với các cơ sở dữ liệu quốc tế. Phòng máy tính cấu hình cao phục vụ các môn học về AI, Big Data và Phân tích dữ liệu giáo dục.

- Phòng nghe nhìn và Hội thảo: Không gian đa năng phục vụ các buổi tọa đàm chuyên đề, các buổi bảo vệ đề án và kết nối trực tuyến với các chuyên gia quốc tế.

- Cơ sở thực tập: Mạng lưới đối tác là các trường phổ thông, trung tâm giáo dục chất lượng cao có thỏa thuận hợp tác (MOU) với NTTU để học viên tham quan và thực hành quản trị.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)



PGS.TS. Nguyễn Kim Hồng

TRƯỞNG KHOA
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Huỳnh Văn Chấn